| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 183/2023/DS-PT
Ngày: 21-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Phước Hội

*Các Thẩm phán*: Ông Lê Hồng Nước

Ông Nguyễn Chí Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/3/2023, ngày 13/4/2023 và ngày 21/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 478/2022/TLPT- DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa:

*1. Nguyên đơn*: Đặng Thị An T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khóm 2, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà T là ông Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2022) (có mặt).

*2. Bị đơn:* Phan Thị Diệu L, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Quốc lộ 80, ấp Long T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà L là ông Vũ Tuấn A, sinh năm: 1970. Địa chỉ: phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2021). (Có mặt)

*3. Người kháng cáo:* Bà Phan Thị Diệu L là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Bà T có cho bà L vay tiền nhiều lần để làm ăn cụ thể như sau:

+ Ngày 03/12/2020 vay 600.000.000đ, thời hạn 02 tháng, lãi xuất 24.000.000đ/tháng, có làm biên nhận.

+ Ngày 29/12/2020 vay 300.000.000đ, có thỏa thuận miệng thời hạn 01 tháng, lãi xuất 12.000.000đ/tháng, có làm biên nhận.

+ Ngày 13/01/2021 vay 1.000.000.000đ, có thỏa thuận miệng thời hạn 01 tháng, lãi xuất 40.000.000đ/tháng, có làm biên nhận.

+ Ngày 28/3/2021 vay 200.000.000đ, có thỏa thuận miệng thời hạn 01 tháng, lãi xuất 8.000.000đ/tháng, có làm biên nhận.

+ Ngày 29/3/2021 vay 50.000.000đ, có thỏa thuận miệng thời hạn 01 tháng, lãi xuất 4%/tháng, không có làm biên nhận.

Từ khi vay đến nay thì Phan Thị Diệu L đóng lãi cho bà T được vài lần rồi không đóng nữa và cũng không trả vốn cho bà T, bà T đã nhiều lần gặp bà L đòi nhưng đến nay bà L cũng không trả cho bà T. Nay bà T yêu cầu Phan Thị Diệu L trả lại cho bà T số tiền vốn vay là 2.150.000.000 đồng và lãi suất tạm tính như sau:

Lãi của khoảng vay ngày 03/12/2020 tính từ 03/12/2020 đến 03/02/2022 là 14 tháng x 600.000.000đ x 1.66% = 139.440.000đ

Lãi của khoảng vay ngày 29/12/2020 tính từ 29/12/2020 đến 03/02/2022 là 14 tháng x 300.000.000đ x 1.66% = 69.720.000đ

Lãi của khoảng vay ngày 13/01/2021 tính từ 13/01/2021 đến 13/02/2022 là 13 tháng x 1.000.000.000 x 1.66% = 215.800.000đ

Lãi của khoảng vay ngày 28/3/2021 tính từ 28/3/2021 đến 28/01/2022 là 10 tháng x 200.000.000 x 1.66% = 33.200.000đ

Lãi của khoảng vay ngày 29/3/2021 tính từ 29/3/2021 đến 29/01/2022 là 10 tháng x 50.000.000 x 1.66% = 8.300.000đ

Tổng cộng tiền lãi là 466.427.000 đồng.

Trong thời gian vay thì bà T có nhận tiền lãi của bà L số tiền lãi là 288.000.000đ. Do đó trừ vào số tiền lãi mà bà T yêu cầu thì bà L còn phải trả cho bà T số tiền lãi là 178.427.000đ và phải chịu tiền lãi cho đến khi xét xử xong.

Tổng cộng vốn và lãi là 2.328.427.000 đồng.

Đối với khoản vay 50.000.000đ mà đại diện bị đơn trình bày không có là không đúng vì bà T đã có chứng cứ chứng minh cho việc bà L có nợ bà T 50.000.000đ này thông qua tin nhắn zalo mà bà T đã lập vi bằng và đã nộp cho Tòa, còn đối với khoản tiền qua 10 lần bà L chuyển khoản cho bà T số tiền 288.000.000đ này bà T xác định đây là số tiền lãi mà bà L đóng cho bà T chứ không có trả tiền vốn gì.

***- Người đại diện cho bà L trình bày:*** Bà L thừa nhận là bà có vay của bà T các khoảng như sau:

+ Ngày 03/12/2020 vay 600.000.000đ.

+ Ngày 29/12/2020 vay 300.000.000đ.

+ Ngày 13/01/2021 vay 1.000.000.000đ.

+ Ngày 28/3/2021 vay 200.000.000đ.

Còn khoản vay ngày 29/3/2021 số tiền 50.000.000đ là không có.

Còn đối với phần lãi thì bà L xác định là có thỏa thuận lãi với bà T là 4%/tháng của khoản 600.000.000đ và 1.000.0000.0000đ bà T đồng ý trả lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ khi vay đến khi xét xử xong trừ đi số tiền đã đóng. Còn hai khoản còn lại là không có thỏa thuận thời hạn và lãi xuất nên bà L đồng ý trả lãi suất 0,83%/tháng tính từ khi khởi kiện đến khi xét xử xong trừ đi số tiền đã đóng.

Đối với khoản tiền 288.000.000đ qua 10 lần chuyển khoản: Ngày 04/01/2021 số tiền 24.000.000đ; Ngày 06/02/2021 số tiền 36.000.000đ; Ngày 20/2/2021 số tiền 40.000.000đ; Ngày 02/3/2021 số tiền 24.000.000đ; Ngày 05/3/2021 số tiền 12.000.000đ; Ngày 15/3/2021 số tiền 12.000.000đ; Ngày 18/3/2021 số tiền 28.000.000đ; Ngày 08/4/2021 số tiền 36.000.000đ; Ngày 19/4/2021 số tiền 40.000.000đ; Ngày 07/6/2021 số tiền 36.000.000đ.

Trong những lần chuyển khoản trong đó bà L có trả cả vốn và lãi cho bà T cụ thể như sau: Khoản 1, 4 trả lãi của 600.000.000đ; khoản 3,6,7,9 trả lãi của 1.000.000.000đ; khoản 2,5,8,10 trả gốc của 300.000.000đ.

Như vậy bà L còn nợ bà T số tiền vốn vay là 1.980.000.000đ, lãi như đã trình bày ở trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DSST ngày 19/8/2022 của Tòa án huyện L tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên Đặng Thị An T về việc yêu cầu Phan Thị Diệu L trả nợ.

2. Buộc Phan Thị Diệu L trả cho Đặng Thị An T số tiền còn nợ vốn 2.150.000.000đ và lãi 392.600.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 2.542.600.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng)

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí, tạm ứng án phí:

Phan Thị Diệu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 82.852.000 đồng (Tám mươi hai triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Đặng Thị An T số tiền 38.575.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005872 ngày 29/11/2021 và số tiền 1.773.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005949 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2022 bà Phan Thị Diệu L có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, sửa một phần bản án sơ thẩm, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phan Thị Diệu L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà L, sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận khoản vay 50.000.000 đồng, chấp nhận điều chỉnh lãi của khoản vay 200.000.000 đồng từ khi khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa bà L đồng ý theo bản án sơ thẩm xử về các khoản vay ngày 03/12/2020 số tiền 600.000.000đ, khoản vay ngày 13/01/2021 số tiền 1.000.000.000đ và đồng ý trả vốn và lãi như bản án sơ thẩm xử là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với biên nhận ngày 29/12/2020 số tiền 300.000.000 đồng, khi vay giữa hai bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng tại phiên tòa bị đơn chấp nhận điều chỉnh lãi theo Khoản 1 Điều 468 BLDS (20%/năm) theo yêu cầu của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này.

Đối với biên nhận vay ngày 28/3/2021 số tiền 200.000.000đ, bà T cho rằng có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất, còn bà L cho rằng giữa hai bên không có thỏa thuận lãi và trong biên nhận vay giữa hai bên cũng không đề cập đến thời hạn vay và việc thỏa thuận lãi, cho nên bà L không đồng ý theo yêu cầu của bà T đối với số tiền vay được tính từ ngày vay là ngày 28/3/2021 đến 28/7/2022 là 16 tháng theo lãi suất 1,66%, mà bà chỉ đồng ý trả lãi từ ngày bà T khởi kiện là ngày 29/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/8/2022 với lãi suất 0,83%. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với số tiền 200.000.000đ bà L vay của bà T vào ngày 28/3/2021 theo biên nhận nhận tiền thể hiện giữa hai bên không có thỏa thuận với nhau về thời hạn vay và về lãi suất. Theo bà T cho rằng do tin tưởng nhau nên giữa hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất 8.000.000đ/tháng, nhưng tại phiên tòa bà T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là từ khi bà L vay cho đến khi bà T khởi kiện ra tòa cũng không thể hiện việc đòi lại nợ vay và lãi suất. Do đó, xét yêu cầu kháng cáo của bà L chỉ đồng ý trả vốn và số tiền lãi được tính từ ngày bà T khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với khoản 2; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

***Khoản 2; Điều 468 quy định:***

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*

Về lãi suất được điều chỉnh tính từ ngày 29/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/8/2022 là 08 tháng 10 ngày như sau: 200.000.000đ x 0,83% x 08 tháng 10 ngày =13.446.000đ.

[2] Đối với khoản vay 50.000.000 đồng nguyên đơn cho rằng cho bà L vay ngày 29/3/2021 nhưng không có biên nhận, tài liệu chứng minh là nội dung tin nhắn được lập vi bằng nhưng vi bằng lập không rõ ràng về thời gian và nội dung tin nhắn không rõ nghĩa, bị đơn không thừa nhận, nguyên đơn không xuất trình được nội dung tin nhắn trên điện thoại gốc để đối chiếu nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, án sơ thẩm căn cứ vào nội dung tin nhắn trên điện thoại của bà T đã được lập vi bằng là chưa đủ căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, xét yêu cầu kháng cáo của bà L đối với số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn là 2.100.000.000đ và tiền lãi của các khoản vay sau khi trừ số tiền 288.000.000đ mà bà L đã đóng cho bà T, số tiền lãi còn lại là 339.646.000đ. Tổng cộng vốn, lãi bà L có nghĩa vụ trả cho bà T là 2.439.646.000đ.

Do không chấp nhận yêu cầu của bà T đối với số tiền vay 50.000.000 đồng và lãi suất, nên bà T phải chịu tiền án phí.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà L không phải chịu án phí phúc thẩm, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà L, sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận khoản vay 50.000.000 đồng, chấp nhận điều chỉnh lãi của khoản vay 200 000.000 đồng từ khi khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

# QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị Diệu L.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 53/2022/DSST, ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Đặng Thị An T về việc yêu cầu Phan Thị Diệu L trả nợ đối với số tiền vốn vay 2.100.000.000đ.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu bà L trả số tiền vốn 50.000.000đ và lãi là 13.280.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 63.280.000đ.

5. Buộc bà Phan Thị Diệu L trả cho bà Đặng Thị An T số tiền nợ vốn vay là 2.100.000.000đ và lãi 339.646.000đồng, tổng cộng vốn và lãi 2.439.646.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi sáu ngàn đồng)

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Án phí, tạm ứng án phí:

- Bà Phan Thị Diệu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 80.782.920đ.

- Bà Đặng Thị An T phải nộp 3.164.000đ án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 38.575.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005872 ngày 29/11/2021 và số tiền 1.773.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005949 ngày 10/02/2022, bà T được nhận lại 37.184.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8. Án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị Diệu L không phải chịu án phí phúc thẩm thẩm, bà được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0010518, ngày 05/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Phước Hội**